

TOÁN

Số bị chia – Số chia – Thương

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:

+ HS biết tên gọi thành phần và kết quả của phép chia.

+ Ôn tập và củng cố cách tìm kết quả của phép chia.

- Kỹ năng:

+ Rèn cho HS cách ghi và thực hiện phép tính nhân, chia.

+ Rèn kỹ năng tính toán nhanh, cẩn thận, chính xác, trình bày bài khoa học.

- Thái độ:

+ Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực.

+ Bồi dưỡng cho học sinh niềm đam mê và yêu thích môn Toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK, sách giáo viên, bảng phụ, thẻ từ ghi sẵn Số bị chia – Số chia – Thương.

- Học sinh: SGK, vở, phiếu học tập, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p><u>1. Ôn định tổ chức</u></p> <p>- Kiểm tra sĩ số.</p> <p>- Cho cả lớp hát bài: “Bài ca đi học”.</p> <p><u>2. Kiểm tra bài cũ</u></p> <p>- Gọi 3 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm bài vào bảng con.</p> <p>Điền dấu thích hợp vào chỗ trống:</p> <p>$2 \times 3 \square 2 \times 5;$</p> <p>$8 : 2 \square 2 \times 2;$</p> <p>$6 \times 2 \square 20 : 2.$</p> <p>- Gv nhận xét.</p> <p><u>3. Bài mới</u></p>	<p>- Lớp trưởng báo cáo.</p> <p>- Cả lớp hát.</p> <p>- 3 em lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào bảng.</p> <p>$2 \times 3 < 2 \times 5 ;$</p> <p>$8 : 2 = 2 \times 2 ;$</p> <p>$6 \times 2 > 20 : 2.$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

a/ Giới thiệu bài: Giới thiệu trực tiếp bài: “Số bị chia – Số chia – Thương”.

b/ Giới thiệu tên gọi thành phần và kết quả của phép chia.

- Viết bảng: $6 : 2$

- $6 : 2 = ?$

Giới thiệu: Trong phép chia $6 : 2 = 3$ thì 6 là số bị chia; 2 là số chia; 3 là thương (vừa giảng vừa gắn thẻ từ).

+ 6 gọi là gì trong phép chia $6 : 2 = 3$?

+ 2 gọi là gì trong phép chia $6 : 2 = 3$?

+ 3 gọi là gì trong phép chia $6 : 2 = 3$?

+ Số bị chia là số nào trong phép chia?

+ Số chia là số nào trong phép chia?

+ Thương là gì?

+ Chú ý: $6 : 2$ cũng được gọi là thương của phép chia.

- Mời cả lớp đọc lại chú ý (theo nhóm đôi, nhóm ba, tập thể lớp).

- Gv nhấn mạnh: vậy nếu có yêu cầu em hãy tìm thương của $6 : 2$ thì các em cũng phải hiểu đó là tìm kết quả của phép chia.

- Gv gọi 1 HS nêu 1 ví dụ về phép chia, gọi tên từng thành phần trong phép tính.

c/ Hướng dẫn học sinh thực hành.

Bài 1: Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

- Viết bảng $8 : 2$ và hỏi $8 : 2 = ?$

- Hãy nêu tên gọi thành phần và kết

- HS lắng nghe.

- HS tìm kết quả $6 : 2 = 3$

- Đọc: 6 chia 2 bằng 3.

- 6 gọi là số bị chia.

- 2 gọi là số chia.

- 3 gọi là thương.

- Số ở bên trái dấu chia.

- Số ở bên phải dấu chia.

- Thương là kết quả của phép chia.

- HS ghi nhớ.

- HS đọc.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS thực hiện.

8 chia 2 được 4

8 : 2 = 4



quả của phép tính chia trên?

- Vậy ta phải viết các số của phép này vào bảng ra sao?
- Gv mời 2 HS lên bảng thực hiện, còn lại học sinh làm vào vở.

- Yêu cầu học sinh đổi chéo bài trong bàn và nhận xét.

- Gv nhận xét.

Bài 2 : Tính nhẩm:

- Yêu cầu học sinh đọc đề bài
- Để thực hiện được yêu cầu của bài chúng ta phải làm gì?
- Gv mời 4 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở.

- Mời HS nhận xét bài làm trên bảng.

+ Vì sao em tìm được kết quả của $6:3=2$?

+ Từ $2 \times 3 = 6$ nêu 2 phép chia tương ứng?

Số bị chia Số chia Thương
Thương

- 8 là số bị chia, 2 là số chia, 4 là thương.

- 2 em làm trên bảng. Lớp làm vào vở.

Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
$8:2=4$	8	2	4
$10:2=5$	10	2	5
$14:2=7$	14	2	7
$18:2=9$	18	2	9
$20:2=10$	20	2	10

- HS thực hiện.

- HS chú ý lắng nghe.

- HS đọc: Tính nhẩm.

- Thuộc bảng nhân 2 và bảng chia 2.

- HS làm vào vở, 4 em lên bảng làm bài, mỗi em làm 2 phép tính.

$$2 \times 3 = 6 \quad ; \quad 2 \times 4 = 8;$$

$$2 \times 5 = 10 \quad ; \quad 2 \times 6 = 12;$$

$$6 : 2 = 3 \quad ; \quad 8 : 2 = 4;$$

$$10 : 2 = 5 \quad ; \quad 12 : 2 = 6.$$

- HS nhận xét.

+ Vì phép chia là phép tính đảo ngược của phép nhân.

$$+ \quad 6 : 3 = 2; \quad 6 : 2 = 3.$$

+ Từ $2 \times 5 = 10$ nêu 2 phép chia tương ứng?

- Gv nhận xét.

Bài 3 :

- Yêu cầu HS nêu đề bài.

- Yêu cầu học sinh làm bài vào phiếu bài tập, 1 học sinh làm bài vào bảng phụ.

- Gắn bảng phụ bài làm của HS lên bảng, mời HS nhận xét.

- Chữa bài, nhận xét bài làm của HS.

4. Củng cố dặn dò

- Gv mời HS nhắc lại kiến thức của bài?

- Nhận xét tiết học, nhắc nhở những lỗi HS mắc phải, tuyên dương HS học tốt, tích cực.

- Dặn dò HS về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài mới.

+ $10 : 2 = 5$; $10 : 5 = 2$.

- HS lắng nghe, chữa lại bài.

- Viết phép chia và số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

- HS thực hiện.

Phép nhân	Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
$2 \times 4 = 8$	$8 : 2 = 4$	8	2	4
	$8 : 4 = 2$	8	4	2
$2 \times 6 = 12$	$12 : 2 = 6$	12	2	6
	$12 : 6 = 2$	12	6	2
$2 \times 9 = 18$	$18 : 2 = 9$	18	2	9
	$18 : 9 = 2$	18	9	2

- Lốp theo dõi và nhận xét.

- HS lắng nghe, kiểm tra lại bài.

- HS trình bày.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.